

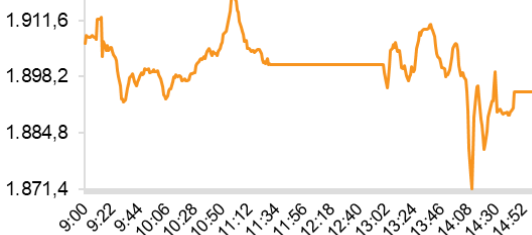
KHOÍ PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

📍 Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
☎ +84 2439724568
✉ Research@vndirect.com.vn
🌐 vndirect.com.vn

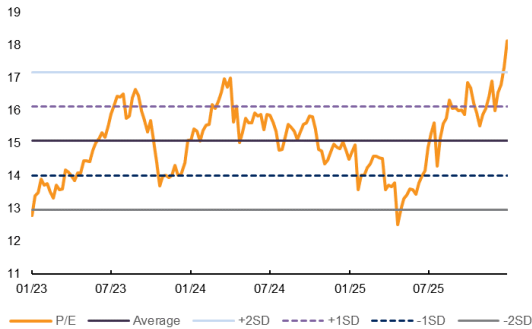
Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1.894,4	253,3	124,9
1 ngày (%)	-0,4	0,2	1,3
1 tháng (%)	15,0	1,3	4,7
Từ 2026	6,2	1,8	3,2
1 Năm (%)	54,1	16,1	35,6
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	8.836	402	661
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VN)	1,8	2,5	1,1
Số mã tăng	106	56	153
Số mã giảm	185	99	141
Số mã tham chiếu	104	143	476

Nguồn: Bloomberg

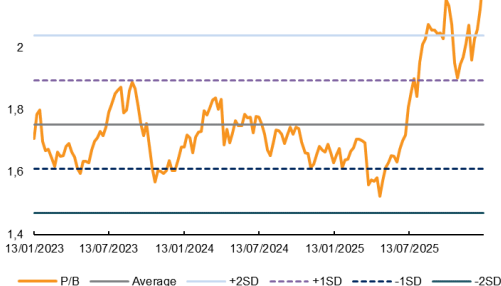
Diễn biến của VN-Index trong phiên



PE của VN-Index



P/B của VN-Index



Thị trường chứng khoán

VN-Index mất ngưỡng 1.900 điểm khi nhóm bất động sản điều chỉnh

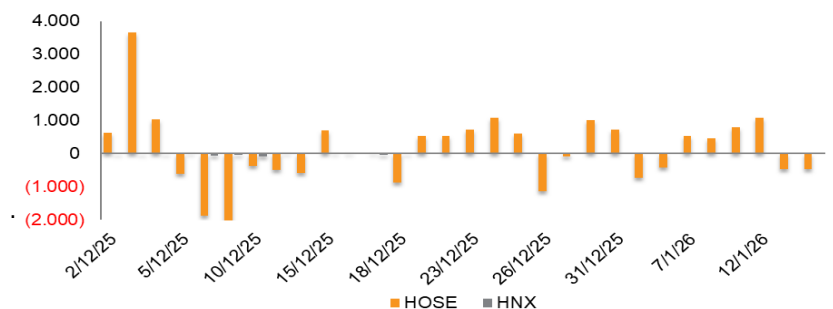
Áp lực chốt lời gia tăng rõ rệt trong phiên giao dịch ngày 14/11, bất chấp việc nhiều cổ phiếu vốn hóa lớn ghi nhận mức tăng trần trong phiên. Lực bán chủ yếu tập trung tại nhóm cổ phiếu Vingroup, qua đó tạo áp lực đáng kể lên chỉ số chung. Kết thúc phiên, VN-Index đóng cửa tại 1.894,44 điểm, giảm 8,49 điểm (-0,45%). Độ rộng thị trường trở nên cân bằng hơn với 170 mã tăng và 152 mã giảm, cho thấy tâm lý nhà đầu tư nhìn chung vẫn duy trì tích cực dù chỉ số chưa thể giữ vững ngưỡng tâm lý 1.900 điểm.

Chỉ số VN30 đóng cửa tại 2.067,10 điểm, giảm 22,11 điểm (-1,06%). Trong rổ VN30, số mã tăng và giảm lần lượt là 14 và 13 cổ phiếu, phản ánh mức độ phân hóa mạnh trong nhóm vốn hóa lớn. Xét theo ngành, dòng tiền tiếp tục có sự luân chuyển linh hoạt. Các nhóm ngành ghi nhận diễn biến tích cực gồm Viễn thông (+11,91%), Hóa chất (+4,58%), Dầu khí (+3,59%) và Ngân hàng (+0,55%). Ngược lại, nhóm Bất động sản giảm mạnh (-3,65%) và là yếu tố chính kéo lùi điểm số của VN-Index trong phiên.

Thanh khoản khớp lệnh trên sàn HOSE đạt 42.251 tỷ đồng, tăng 5,56% so với phiên trước và cao hơn mức bình quân 20 phiên gần nhất. Sự gia tăng thanh khoản cho thấy dòng tiền vẫn tham gia tích cực, tuy nhiên mang tính chọn lọc cao, tập trung vào một số nhóm ngành và cổ phiếu cụ thể. Việc VN-Index đóng cửa dưới ngưỡng 1.900 điểm cho thấy nhịp tăng hiện tại đang đối mặt với rủi ro kiểm nghiệm. Nếu lực bán xuất hiện ở các cổ phiếu đã tăng mạnh, chỉ số có thể kiểm nghiệm lại các vùng hỗ trợ thấp hơn; ngược lại, xu hướng tăng muốn duy trì thì cần có sự đồng thuận hơn từ nhóm trụ và thanh khoản duy trì ở mức cao. Trong bối cảnh này, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư cân nhắc việc chốt lời từng phần và chờ đợi cơ hội mua khi thị trường điều chỉnh và kiểm nghiệm lại vùng hỗ trợ bên dưới. Cụ thể, đối với nhà đầu tư nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu cao: 1) Thực hiện chốt lời ngắn hạn từng phần ở các cổ phiếu đã tăng mạnh; ưu tiên giảm tỷ trọng ở vị thế thanh khoản yếu. 2) Giữ phần danh mục còn lại để tận dụng nhịp hồi kỹ thuật; chỉ mua lại khi thị trường điều chỉnh rõ rệt và duy trì trên ngưỡng hỗ trợ đã xác định. Đối với nhà đầu tư nắm giữ tỷ trọng tiền mặt cao: 1) Ưu tiên mua trong các nhịp điều chỉnh để giảm rủi ro thời điểm. 2) Tập trung mua cổ phiếu có nền tảng lợi nhuận rõ ràng và thanh khoản tốt.

Ngành	Tỷ trọng VN-Index (%)	P/E	P/B	Thay đổi (%)				% thay đổi khối lượng 1 ngày
				1 ngày	1 tháng	Từ 2026	1 Năm	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4,5	182,1	4,1	-1,5	8,3	-1,3	29,9	-6,2
Hàng tiêu dùng thiết yếu	5,3	27,1	3,2	4,0	8,3	6,3	19,7	110,9
Năng lượng	2,3	37,6	1,9	3,1	48,2	30,4	20,7	15,2
Tài chính	40,0	13,0	2,0	0,5	20,2	13,8	44,9	-0,4
Chăm sóc sức khỏe	0,5	24,4	2,8	0,8	5,2	1,4	9,0	77,0
Công nghiệp	7,6	38,3	5,5	0,2	6,4	1,2	120,6	65,6
Công nghệ thông tin	2,2	18,9	4,5	1,0	6,7	4,5	-18,2	27,3
Vật liệu xây dựng	5,7	17,3	1,8	2,3	15,3	13,6	21,8	29,3
Bất động sản	24,9	91,2	5,8	-4,0	15,2	-2,7	456,6	3,8
Dịch vụ tiện ích	4,6	20,6	3,1	2,1	51,4	32,9	47,7	23,6

Mua/(bán) ròng khối ngoại (tỷ VND)



Điểm tin

Tin vĩ mô thế giới

- Mỹ: CPI tháng 12 tăng +0.3% so với tháng trước và +2.7% svck (so với +2,7% tháng 11). CPI lõi tăng +0.2% tháng 12 và +2.6% svck.
- Trung Quốc: Thặng dư thương mại đạt USD 1.189 nghìn tỷ tính đến hết năm 2025—mức kỷ lục trong lịch sử. Xuất khẩu +6,6% svck và nhập khẩu +5,7% svck trong tháng 12/2025. Xuất khẩu sang Mỹ -20% svck do tác động của thuế quan, ngược lại các thị trường như ASEAN (+13,4%), châu Phi (+25,8%) và EU (+8,4%).
- Trong báo cáo Global Economic Prospects (GEP) tháng 1/2026, World Bank nâng dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu lên 2,6% cho 2026 (+0,2 điểm phần trăm so với dự báo tháng 6/2025), và 2,7% cho 2027.

Tin vĩ mô trong nước

- Phát biểu tại Phiên họp thứ 5 của Ban Chỉ đạo Trung ương về chính sách nhà ở và thị trường bất động sản, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã nêu rõ mục tiêu kéo giảm giá nhà ở thương mại, nhất là chung cư xuống mức hợp lý, phù hợp sự phát triển chung của đất nước; Kiểm soát tín dụng vào các động lực tăng trưởng kinh tế và có chính sách quản lý rủi ro với tín dụng vào bất động sản.
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) phân bổ chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2026 cho từng tổ chức tín dụng, trong đó tín dụng bất động sản thuộc diện giám sát đặc biệt. Theo đó, 1) tăng trưởng dư nợ BĐS không được vượt tăng trưởng tín dụng chung của từng ngân hàng; 2) NHNN giám sát chặt tốc độ tăng và tỷ trọng dư nợ BĐS trong tổng dư nợ; và 3) trường hợp vi phạm, NHNN có thể giảm trừ hoặc điều chỉnh room tín dụng.
- Bộ Xây dựng đã điều chỉnh chủ đầu tư dự án đường sắt tốc độ cao Bắc – Nam, giao Ban Quản lý dự án Thăng Long làm chủ đầu tư.

Tin ngành và doanh nghiệp

- NAB – Nam A Bank: Kết quả 2025 tăng trưởng vững, chuẩn bị mở rộng nguồn vốn:** Ngân hàng TMCP Nam Á (NAB) dự kiến ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực trong năm 2025, với quy mô tài sản và hiệu quả hoạt động tiếp tục được củng cố, song song với kế hoạch mở rộng nguồn vốn trung – dài hạn. Tổng tài sản: ước đạt 418.335 tỷ đồng (~15,91 tỷ USD), duy trì đà tăng trưởng ổn định. Tăng trưởng tín dụng: khoảng 18,2%, phù hợp định hướng điều hành và hạn mức của NHNN. Lợi nhuận trước thuế: ước 5.254 tỷ đồng (~0,20 tỷ USD), tăng 15,6% so với năm trước. Chất lượng tài sản: tỷ lệ nợ xấu 2,15%, tiếp tục được kiểm soát dưới ngưỡng an toàn. Hệ số an toàn vốn (CAR): duy trì trên 11%, cao hơn mức tối thiểu theo quy định.
- TCX – TCBS lập kỷ lục lợi nhuận năm 2025, khẳng định vị thế số 1 ngành chứng khoán:** Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương (TCBS – mã TCX, HOSE) vừa công bố kết quả kinh doanh năm 2025 bứt phá mạnh, ghi nhận mức lợi nhuận cao nhất lịch sử và tiếp tục củng cố vị thế doanh nghiệp dẫn đầu thị trường chứng khoán Việt Nam. Lợi nhuận trước thuế cả năm: 7.109 tỷ đồng, tăng gần 50% YoY, hoàn thành 123% kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế quý IV/2025: 2.041 tỷ đồng, tăng gần 120% so với cùng kỳ. ROE đạt 16,7%, ROA đạt 8,4% – thuộc nhóm cao nhất thị trường trong 11 quý liên tiếp. Tổng tài sản cuối năm 2025 đạt 80.632 tỷ đồng, tăng 51% so với cuối 2024.
- SNZ – Sonadezi không còn đáp ứng điều kiện công ty đại chúng:** Do cơ cấu cổ đông tập trung cao khi UBND tỉnh Đồng Nai nắm giữ tới 99,54% vốn điều lệ khiến Sonadezi không còn đáp ứng tiêu chí công ty đại chúng theo quy định của Luật Chứng khoán.
- BWE – Biwase sắp chi gần 286 tỷ đồng tạm ứng cổ tức năm 2025:** Công ty CP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương (Biwase, MCK: BWE, sàn HoSE) vừa có văn bản thông báo về ngày 4/2/2026 là ngày đăng ký cuối cùng để tạm ứng cổ tức năm 2025 và tham dự Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2026.

Cụ thể, Biwase sẽ tạm ứng cổ tức năm 2025 cho cổ đông bằng tiền mặt với tỷ lệ thực hiện 13%, tức cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được nhận 1.300 đồng. Ngày thanh toán dự kiến 20/5/2026.

Thị trường tiền tệ và hàng hoá

- Theo Cục Thống kê Lao động Mỹ, CPI lõi tháng 12 tăng 0,2% so với tháng trước và 2,6% so với cùng kỳ, thấp hơn dự báo 0,1 điểm phần trăm. CPI toàn phần tháng 12 tăng 0,3% so với tháng trước và 2,7% so với cùng kỳ, phù hợp với dự báo thị trường. Tốc độ lạm phát đang hạ nhiệt nhưng vẫn cao hơn mục tiêu 2% của Fed. Dựa trên công cụ FedWatch, thị trường đánh giá 97,2% khả năng Fed giữ nguyên lãi suất trong kỳ họp tháng 1. Thị trường cũng kỳ vọng Fed sẽ giữ nguyên lãi suất trong nửa đầu năm 2026 trước khi tiếp tục cắt giảm. Chỉ số DXY tăng lên khoảng 99,2 vào thứ Tư, tiến gần mức cao nhất kể từ đầu tháng 12, trong khi tỷ giá USD/VND đang giao dịch dưới 26.300 do nhu cầu VND tăng trước mùa lễ tết.

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 Năm
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	3,61	1,7	12,2	10,8	49,3
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/ni)	4,25	8,1	-42,6	157,6	1,2
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	6,62	4,3	-9,1	-19,8	28,5
USD/VND	26.274	0,0	0,2	0,1	-3,4
DXY	99,13	0,0	0,7	0,8	-9,3
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	4,17	-0,2	-0,4	0,1	-13,0
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	3,58	-0,4	0,0	1,1	-20,0

Thị trường hàng hóa	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 năm
Vàng (USD/oz)	4.638,30	0,9	7,9	6,8	72,9
Xăng Ron 95 (USD/b) 1 th	60,63	-0,9	5,6	5,6	-21,8
Dầu Brent (USD/b) 1 thân	64,91	-0,9	6,2	6,7	-18,8
Thép (USD/tấn)	467,5	0,0	1,3	0,2	-6,7
Thịt heo (USD/kg)	1,8	0,2	11,8	1,5	-18,1
Gạo (USD/tấn)	469,0	3,5	4,9	7,8	-28,0
Phân urea (USD/tấn)	368,5	3,8	2,4	7,6	16,1

Lịch sự kiện quan trọng trong tuần

Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Ba 13/01/2026	Mỹ	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12.2025
Thứ Tư 14/01/2026	Mỹ	Chỉ số giá sản xuất (PPI) tháng 11.2025
Thứ Năm 15/01/2026	Việt Nam	Đáo hạn hợp đồng phái sinh tháng 1.2026

Danh mục cổ phiếu theo dõi

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Hàng không										
ACV	8.331	2,8	3.889	61.100	73.300	20,9%	0,9%	20,6	3,3	17%
AST	123	0,0	5	72.000	85.400	22,1%	3,5%	14,3	5,0	38%
HVN	3.511	1,4	747	29.650	43.400	48,5%	2,1%	9,9	16,5	
VJC	3.904	16,9	880	189.400	113.600	-39,5%	0,5%	65,2	4,6	8%
Bán lẻ										
BAF	446	3,2	206	38.550	37.200	-3,5%		20,9	2,7	13%
DGW	371	2,9	100	44.100	49.600	13,6%	1,1%	18,3	3,0	17%
FRT	940	3,0	157	145.000	150.300	3,9%	0,2%	40,1	8,0	25%
MCH	8.292	3,8	2.885	168.000	147.000	-11,3%	1,2%	31,2	13,6	44%
MWG	4.839	21,7	69	86.000	96.300	13,1%	1,2%	21,8	4,0	20%
PNJ	1.318	2,4	0	101.500	109.900	9,3%	1,0%	15,2	2,9	21%
QNS	642	0,2	262	45.900	53.400	18,5%	2,2%	7,5	1,4	20%
SAB	2.621	2,7	1.091	53.700	59.900	15,3%	3,7%	16,3	3,0	18%
VHC	514	2,2	414	60.200	71.300	21,8%	3,3%	8,7	1,4	17%
VNM	5.385	11,2	2.663	67.700	74.800	14,7%	4,2%	18,2	4,1	24%
Tài chính										
ACB	4.819	10,3	69	24.650	31.300	30,5%	3,5%	7,3	1,4	20%
BID	14.564	6,5	1.857	54.500	47.200	-12,6%	0,8%	14,4	2,4	18%
CTG	12.253	18,6	2.163	41.450	49.000	19,0%	0,8%	9,7	1,9	22%
HDB	5.267	22,5	197	27.650	34.900	28,5%	2,3%	8,6	1,9	25%
LPB	4.741	4,1	195	41.700	33.400	-13,9%	6,0%	12,0	2,9	25%
MBB	8.324	27,6	128	27.150	32.900	23,0%	1,8%	9,0	1,7	21%
STB	3.882	21,1	619	54.100	45.700	-14,4%	1,1%	8,3	1,6	22%
TCB	9.844	18,4	1	36.500	40.300	13,2%	2,7%	11,7	1,6	14%
TPB	1.848	7,5	92	17.500	17.800	7,2%	5,4%	7,4	1,2	17%
VCB	24.170	13,2	2.094	76.000	69.300	-8,2%	0,6%	18,1	2,9	17%



Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VIB	2.351	4,6	0	18.150	23.600	33,4%	3,4%	8,2	1,4	18%
VPB	8.908	25,9	458	29.500	37.100	27,5%	1,7%	11,3	1,5	14%
Dệt may										
MSH	152	0,6	67	35.500	40.600	25,6%	11,3%	6,9	1,8	28%
TCM	119	1,4	2	28.000	29.800	8,2%	1,8%	12,2	1,3	11%
Khu công nghiệp										
BCM	2.891	1,1	925	73.400	68.600	-5,2%	1,4%	20,7	3,5	18%
GMD	1.023	3,9	72	63.000	72.000	17,5%	3,2%	20,6	2,1	12%
HAH	370	5,0	85	57.500	55.400	-2,3%	1,3%	8,3	2,3	31%
VSC	317	8,0	148	22.250	19.100	-11,9%	2,2%	18,4	1,6	9%
IDC	578	3,2	216	40.000	45.600	17,8%	3,8%	8,3	2,3	31%
KBC	1.292	6,0	500	36.050	30.000	-15,7%	1,0%	19,2	1,4	7%
PHR	327	0,8	117	63.500	68.400	9,8%	2,1%	12,8	2,1	17%
VTP	570	3,3	251	123.000	129.200	5,9%	0,9%	50,8	8,6	18%
Tài nguyên cơ bản										
DGC	924	11,7	395	63.900	128.300	105,5%	4,7%	8,2	1,6	20%
HPG	7.961	35,2	2.298	27.250	30.000	11,2%	1,1%	14,5	1,7	12%
Dầu khí										
BSR	4.078	7,5	1.950	21.400	16.700	-19,9%	2,0%	51,8	1,9	4%
GAS	9.827	4,5	4.599	107.000	78.400	-24,8%	1,9%	21,3	4,0	20%
OIL	551	0,7	33	14.000	14.800	7,5%	1,8%	44,3	1,4	3%
PLX	2.345	4,3	118	48.500	47.700	0,8%	2,5%	24,8	2,4	10%
PVD	628	8,8	240	29.700	32.600	18,2%	8,4%	18,4	1,0	6%
PVS	784	7,7	272	40.300	41.800	5,3%	1,6%	14,2	1,4	11%
PVT	374	2,7	143	20.900	23.400	13,0%	1,1%	10,0	1,2	12%
Phân bón - Hóa chất										
DPM	644	3,6	296	24.900	23.300	-3,0%	3,5%	21,9	1,5	7%
DCM	739	2,9	334	36.700	40.000	14,4%	5,4%	11,2	1,8	17%



Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
DDV	156	1,3	72	28.000	39.700	45,0%	3,2%	24,3	2,3	10%
PLC	84	0,2	40	27.300	34.100	26,7%	1,8%	18,5	1,7	9%

Điện

POW	1.705	5,2	767	14.600	14.400	-0,2%	1,1%	21,7	1,2	6%
-----	-------	-----	-----	--------	--------	-------	------	------	-----	----

Điện và BĐS

HDG	373	3,4	111	26.500	37.400	42,7%	1,6%	28,2	1,5	5%
PC1	378	3,0	136	24.150	26.500			19,9	1,7	9%
REE	1.284	1,0	0	62.300	76.600	24,3%	1,4%	13,0	1,7	13%

Bất động sản

DXG	673	12,7	166	15.900	18.300	27,7%	12,6%	39,0	1,3	3%
KDH	1.241	8,2	272	29.050	41.800	44,9%	1,0%	36,3	1,8	5%
NLG	572	3,5	35	31.000	42.200	37,6%	1,5%	16,1	1,3	9%
VHM	19.744	29,0	8.163	126.300	93.600			19,8	2,4	13%
VRE	2.750	16,2	954	31.800	32.000	3,9%	3,3%	14,8	1,6	11%

Công nghệ

FPT	6.471	30,0	630	99.800	118.200	19,4%	1,0%	18,9	4,8	27%
-----	-------	------	-----	--------	---------	-------	------	------	-----	-----

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

Hội sở

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT: +84 24 3972 4568

Fax: +84 24 3972 4568

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà 90 Pasteur,
Phường Sài Gòn, TP. HCM

ĐT: +84 28 7300 0688

Fax: +84 28 3914 6924

Chi nhánh Đà Nẵng

57 Duy Tân,
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng

ĐT: +84 511 382 1111

Fax: NA

Chi nhánh Vinh – Nghệ An

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,
Phường Trường Vinh, Nghệ An

ĐT: +84 23 8730 2886

Fax: NA

Chi nhánh Cần Thơ

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ

ĐT: +84 710 3766 959

Fax: NA

Chi nhánh Quảng Ninh

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh

ĐT: +84 98 8619 695

Fax: NA

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 2, số 11 Hạc Thành
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa

ĐT: +84 90 3255 202

Fax: NA

Chi nhánh Bình Dương

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM

ĐT: +84 27 4222 2659

Fax: +84 27 4222 2660

Chi nhánh Nam Định

88-90 Phạm Sư Mạnh,
Phường Nam Định, Ninh Bình

ĐT: +84 22 8352 8819

Fax: NA